

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ GOFT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ GOFT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM GOFT SERVICES ANG INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VGS INVEST.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110043503

3. Ngày thành lập: 27/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20, Võ Chí Công, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913404665

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng nền móng của toà nhà; Đóng cọc; Thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các toà nhà; Chôn chân trụ, Uốn thép; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái bao phủ toà nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng đỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển; - Thi công phòng trừ mối công trình; - Thi công các công trình công nghiệp.	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng , Bán buôn máy móc, thiết bị golf	4659
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn kỷ niệm chương, cúp thể thao, album, khung hình; Bán buôn biển báo, biển hiệu.	4669
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và quản lý sự kiện liên quan đến golf	8230
13.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
14.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
15.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	9000
16.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời, Sân vận động bóng đá., Sân golf, Bể bơi...	9311(Chính)
17.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Hoạt động của Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp (Nghị định 36/2019/NĐ-CP)	9312
18.	Hoạt động thể thao khác	9319

19.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
20.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: Hoạt động thiết kế, Sản xuất sản phẩm phần mềm	6201
21.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; - Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm; - Dịch vụ về hệ thống CAD/CAM; Dịch vụ cung cấp các giải pháp tin học; - Dịch vụ sao lưu số hoá dữ liệu; - Khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin; - Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin; - Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật; - Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử; - Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; - Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu	6209
22.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
23.	Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội; Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Thiết lập, điều hành website	6312
24.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	6619
25.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 15/11/2014)	6810
26.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ định giá bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn về giá nhà, đất); - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản. (Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 15/11/2014)	6820
27.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: -Tư vấn khảo sát, thiết kế công trình điện; tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi; -Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế nội ngoại thất công trình (Điều 70, Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021); -Giám sát xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật (Điều 71, Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021); -Quản lý dự án các công trình xây dựng (Điều 73, Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021).	7110
29.	Quảng cáo	7310
30.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu, thông tin tỷ lệ lượng và tư vấn chứng khoán)	7490
31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
32.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử (Trừ đấu giá)	4791
33.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
34.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
35.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
36.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
37.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
40.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
41.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
42.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
43.	Hoạt động chiếu phim	5914
44.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46.	Đại lý du lịch	7911
47.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh Lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
48.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
49.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

50.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh và bảo dưỡng bể bơi; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh mặt đường; - Dịch vụ tẩy uế và tiệt trùng	8129
51.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
52.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
53.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
54.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
55.	Xây dựng nhà để ở	4101
56.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
57.	Xây dựng công trình điện	4221
58.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
59.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
60.	Phá dỡ	4311
61.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
62.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
63.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
64.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng thủ công mỹ nghệ, tranh ảnh, các tác phẩm nghệ thuật khác... trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 30.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GOLF VIỆT NAM	Số 20 đường Võ Chí Công, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	3,000	0107677806	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	3,000		
2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH T99 LUXURY	Số 96, phố Trung Hòa, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	23.100. 000	231.000.000.00 0	77,000	0109454636	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	23.100. 000	231.000.000.00 0	77,000		

3	NGUYỄN QUỐC HÙNG	493/69 Cách Mạng Tháng 8, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000.0 00	60.000.000.000	20,000	0010700110 66
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	6.000.0 00	60.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN QUANG MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 30/06/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 048078004846

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 34, Phường Xuân Hà, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 34, Phường Xuân Hà, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội